

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA VIỆN DÂN TỘC HỌC GIAI ĐOẠN 2013 - 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030¹

VƯƠNG XUÂN TÌNH

1. Chặng đường lịch sử 45 năm (1968 - 2013)

Viện Dân tộc học (tên giao dịch quốc tế: *Institute of Anthropology*) được thành lập từ năm 1968 theo Nghị định 59/CP ngày 14/05/1968 của Hội đồng Chính phủ, và được khẳng định lại tại Nghị định của Chính phủ, số 109/2012/NĐ-CP ngày 26/12/2012. Theo Quyết định số 244/QĐ-KHXXH ngày 27/02/2013 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện có các chức năng chính: Nghiên cứu cơ bản, toàn diện, kết hợp với nghiên cứu ứng dụng và dự báo về các vấn đề dân tộc ở Việt Nam và thế giới, nhằm cung cấp những luận cứ khoa học cho việc hoạch định và thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập; tham gia tư vấn khoa học và đào tạo đại học, sau đại học về Dân tộc học/Nhân học.

Trải qua 45 năm xây dựng và phát triển, Viện Dân tộc học đã đạt được nhiều thành tựu. Những đóng góp của Viện thể hiện trên nhiều lĩnh vực, trong đó, *nổi bật là nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực*, góp phần thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước và sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa ở vùng dân tộc và miền núi.

Điều tra, nghiên cứu xác định thành phần các dân tộc ở Việt Nam là một trong những nhiệm vụ rất quan trọng của Viện Dân tộc học, được thực hiện chủ yếu trong những năm đầu của thập kỷ 70. Dựa trên kết quả của nhiệm vụ này, ngày 2 tháng 3 năm 1979, Tổng cục Thống kê đã công bố bản *Danh mục các thành phần dân tộc ở Việt Nam*, và bản Danh mục ấy đã được sử dụng chính thức trong các văn bản của Đảng và Nhà nước ta, góp phần thiết thực cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào các dân tộc (Bé Viết Đăng, 1978, tr. 3-14; 1983, tr. 6-11; Khổng Diễn, 2003a, tr. 5-10; Nguyễn Xuân Thắng, 2009, tr. 3-5; Phạm Quang Hoan, 2009, tr. 6-9).

Nghiên cứu cơ bản các dân tộc và văn hóa các dân tộc được tiến hành trong suốt chặng đường phát triển của Viện. Các công trình đã tập trung nghiên cứu đời sống văn

¹ Phần lớn nội dung bài viết này được rút ra từ kết quả xây dựng “Chiến lược phát triển Viện Dân tộc học giai đoạn 2013 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030”, do PGS. TS. Vương Xuân Tình, Viện trưởng khởi thảo. Nhân đây, xin trân trọng cảm ơn ý kiến đóng góp của các cán bộ Viện Dân tộc học.

hóa của các dân tộc, nhóm dân tộc; đi sâu phân tích những thành tố văn hóa cụ thể để làm rõ tính thống nhất và sự đa dạng, bản sắc văn hóa tộc người, phục vụ cho việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc. Hoạt động nghiên cứu của Viện những thập kỷ gần đây được gắn liền với các chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về dân tộc, như Nghị quyết 22/ NQ-TW của bộ Chính trị ngày 27/7/1989 và Quyết định số 72/HĐBT ngày 13/03/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về phát triển kinh tế - xã hội miền núi, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Viện cũng tham gia tích cực nhiều chương trình trọng điểm về phát triển kinh tế - xã hội cấp Nhà nước, như Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh miền núi phía Bắc, Chương trình Tây Nguyên I, Chương trình Tây Nguyên II (Khổng Diễn, 2003b, tr. 143-147; Phạm Quang Hoan, 2009, tr. 6-9); và hiện nay, Viện đang triển khai nghiên cứu vấn đề quan hệ dân tộc của Chương trình Tây Nguyên III.

Việc kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng đã làm cho những đóng góp của Viện Dân tộc học vừa có tính lý luận vừa có giá trị thực tiễn đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững. Kết quả này được khẳng định qua các nghiên cứu về thực trạng sử dụng đất đai ở một số tỉnh Tây Nguyên, di dân tự phát của các dân tộc thiểu số, những vấn đề tái định cư, an ninh lương thực của các dân tộc thiểu số ở vùng cao, phát triển bền vững của các tộc người vùng biên giới, quan hệ dân tộc xuyên quốc gia...

Kết quả nghiên cứu của các chương trình, đề tài đã đóng góp quan trọng trong việc nhận diện và đánh giá thực trạng phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa của các dân tộc, từ đó, Viện Dân tộc học đã đề xuất những luận cứ khoa học phục vụ cho việc hoạch định và cụ thể hóa các chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến vấn đề dân tộc.

Từ năm 1978 đến năm 2010, Viện còn là cơ sở đào tạo tiến sĩ Dân tộc học/Nhân học. Trong thời kỳ này, Viện đã đào tạo được 39 Tiến sĩ; góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các cơ quan nghiên cứu, giảng dạy và quản lý trong cả nước. Viện đã xây dựng được đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Nhiều cán bộ của Viện được đào tạo cơ bản trong các chương trình thạc sĩ, tiến sĩ ở trong và ngoài nước.

Tư vấn khoa học của Viện cũng được chú trọng. Nhiều cán bộ của Viện đã thực hiện tư vấn, đóng góp vào thành công của một số dự án phát triển ở vùng dân tộc và miền núi, như đánh giá tác động kinh tế - xã hội của các dự án thủy điện, nghiên cứu giáo dục, y tế của các dân tộc thuộc tiểu vùng sông Mê Kông; đánh giá tác động của Chương trình 135, 134, 132 và của chính sách giáo dục, y tế ở vùng dân tộc và miền núi...

Trong các thập kỷ qua, Viện Dân tộc học vẫn tiếp tục giữ vững là một trong những trung tâm quan trọng của diễn đàn Dân tộc học/Nhân học của cả nước. Để giữ vững vị trí nêu trên, nhiều kết quả nghiên cứu của các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Cơ sở; của hợp tác quốc tế; của các luận

án, luận văn... đã được xuất bản thành sách. Trải qua 45 năm, đã có 281 đầu sách tiếng Việt và tiếng nước ngoài được xuất bản. Bên cạnh đó, Tạp chí Dân tộc học có vai trò rất quan trọng. Kể từ năm 1974 đến nay, Tạp chí đã xuất bản được 175 số tiếng Việt, 11 số tiếng Anh. Mỗi năm, Tạp chí đăng tải khoảng 50 bài nghiên cứu, trong đó có 2/3 tổng số bài viết là của cộng tác viên ngoài Viện Dân tộc học. Những công trình này góp phần phản ánh kết quả nghiên cứu mới trong ngành Dân tộc học/Nhân học của Việt Nam và thế giới. Các hội thảo khoa học được tổ chức thường xuyên cũng góp phần tập hợp việc đóng góp của các nhà khoa học về Dân tộc học/Nhân học và những ngành khoa học kế cận. Thư viện của Viện Dân tộc học với hàng vạn đầu sách cùng nhiều tài liệu quý giá là một kênh thông tin quan trọng, giúp bạn đọc ở cả trong và ngoài Viện thực hiện nghiên cứu, đào tạo và tư vấn khoa học.

Cùng với các thành tựu nêu trên, Viện Dân tộc học còn có đóng góp quan trọng cho việc đổi mới ngành Dân tộc học/Nhân học Việt Nam. Từ năm 2001 đến nay, ngành Dân tộc học nước ta có nhiều chuyển biến, đặc biệt là việc tiếp thu những thành tựu của Nhân học thế giới trên các phương diện lý thuyết, phương pháp, nội dung nghiên cứu nhằm đáp ứng nhiệm vụ trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong điều kiện đó, được sự ủng hộ, giúp đỡ của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và của các cơ quan có trách nhiệm khác; được sự tài trợ của một số tổ chức, đặc biệt là Quỹ Ford, Viện Dân tộc học trở thành đơn vị đi đầu trong việc đổi mới, thông qua triển khai nghiên cứu và đào tạo theo hướng Nhân học;

kết nối về nghiên cứu, đào tạo, chia sẻ thông tin, tư liệu về Nhân học với nhiều tổ chức nghiên cứu, đào tạo về Dân tộc học/Nhân học ở trong nước và quốc tế. Viện Dân tộc học cũng là nơi sớm thành lập các phòng/trung tâm nghiên cứu theo hướng Nhân học. Qua đó, Viện đã góp phần quan trọng trong việc tiếp thu các vấn đề lý thuyết, lý luận, tri thức về Nhân học để đổi mới ngành Dân tộc học Việt Nam.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ phát triển của Viện Dân tộc học giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

2.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước

Kể từ khi Liên Xô và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu tan rã, chiến tranh lạnh kết thúc, vấn đề dân tộc trên thế giới đã có nhiều biến đổi, theo cả chiều hướng tích cực và tiêu cực.

Nếu chỉ tính từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay, đây là một trong những giai đoạn mà ý thức về tộc người, quốc gia - dân tộc được khơi dậy mạnh mẽ nhất. Đó là ý thức về sự bình đẳng giữa các dân tộc, chống áp bức dân tộc trên mọi chiều cạnh; mối quan hệ giữa tộc người và quốc gia; giữ gìn bản sắc văn hóa của tộc người... Ý thức ấy đã được chuyển hóa thành hành động trong chính sách, chương trình, dự án phát triển của nhiều nước, của nhiều tổ chức liên quan đến tộc người và nhóm xã hội. Sự khơi dậy của ý thức tộc người đã góp phần giữ gìn, bảo vệ văn hóa tộc người trước tác động của toàn cầu hóa. Bên cạnh đó, với xu hướng giao lưu, hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ, các tộc

người cũng có cơ hội học hỏi, chia sẻ lẫn nhau, dẫn tới bước phát triển mới trong đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa.

Cùng với xu hướng tích cực, đã xuất hiện chiều hướng tiêu cực về vấn đề dân tộc. Do tác động của yếu tố lịch sử, chính trị, kinh tế, xã hội của thế giới và khu vực, mối quan hệ dân tộc ở một số nơi trở nên nóng bỏng, đặc biệt ở vùng bán đảo Ban Căng, Cápcado, Trung Cận Đông, Nam Á và Đông Nam Á.

Tại các khu vực nêu trên, vẫn đang diễn ra nhiều cuộc chiến tranh hoặc nội chiến mang màu sắc dân tộc kết hợp với tôn giáo. Một số thế lực chính trị phản động đã lợi dụng đặc thù về quan hệ, tình cảm, lòng tự tôn dân tộc để kích động sự nghi kỵ, hận thù và xung đột dân tộc. Các tổ chức khủng bố quốc tế cũng chủ yếu dựa vào vấn đề dân tộc, tôn giáo để chiêu tập lực lượng, đẩy mạnh hoạt động.

Với xu hướng nêu trên, có thể dự báo, xung đột dân tộc kết hợp với tôn giáo ở nhiều khu vực trên thế giới, trong đó có khu vực Đông Nam Á sẽ còn tiếp diễn trong thập kỷ tới. Ở Việt Nam, từ nay đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, vấn đề dân tộc cũng được đặt trong bối cảnh và điều kiện mới.

Dưới tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta, các tộc người ở Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển và biến đổi sâu sắc. Sự khác biệt lớn giữa một số khu vực của miền núi với miền xuôi, giữa dân tộc đa số với nhiều dân tộc thiểu số sẽ dần được hạn chế. Trên cơ sở phát triển kinh tế - xã hội, mối quan hệ dân tộc sẽ ngày càng được

thúc đẩy, nhất là quan hệ giữa dân tộc đa số với dân tộc thiểu số; quan hệ giữa các tộc người trong khu vực với liên khu vực; và quan hệ dân tộc xuyên quốc gia. Vận mệnh của các tộc người sẽ càng gắn bó chặt chẽ hơn với vận mệnh của quốc gia - dân tộc.

Tuy nhiên, vấn đề dân tộc ở nước ta sẽ còn tiếp tục nóng bỏng. Tại các vùng chiến lược gồm Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ, đã từng xuất hiện những mâu thuẫn, xung đột giữa một bộ phận dân tộc thiểu số với Nhà nước và với dân tộc đa số. Những mâu thuẫn, xung đột nêu trên đều có sự trợ giúp của các tổ chức phản động nước ngoài và các tổ chức này thường lợi dụng kết hợp giữa vấn đề dân tộc với tôn giáo. Mục đích của những kẻ gây mâu thuẫn, xung đột là muốn phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, chia cắt lãnh thổ Việt Nam để xây dựng các nhà nước riêng; muốn quốc tế hóa vấn đề dân tộc của nước ta. Trong tương lai, những thế lực thù địch với Việt Nam vẫn không từ bỏ mục đích đó.

Với đường lối nhất quán về vấn đề dân tộc, đó là thực hiện bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc, đồng thời trước những vấn đề nóng bỏng về dân tộc, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục triển khai nhiều chính sách có liên quan. Trong số các chính sách đó, chính sách xóa đói giảm nghèo có ý nghĩa thực tiễn lớn lao và tác động nhiều mặt đến đời sống của đồng bào các dân tộc. Trọng tâm của chính sách này là triển khai những chương trình, dự án để tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, nâng cao điều kiện giáo dục, y tế. Bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước ta sẽ còn tiếp tục triển khai nhiều chương

trình, dự án khác liên quan đến việc phát triển đời sống văn hóa và giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người...

Mặc dù đã có rất nhiều cố gắng, song vẫn còn những thách thức đối với công tác dân tộc liên quan đến phát triển ở nước ta từ nay đến năm 2020 và tầm nhìn 2030. Đó là tình trạng đói nghèo của một số dân tộc, nhất là các tộc người ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa vẫn chưa thể xóa bỏ được nhanh chóng; sự chênh lệch về phát triển giữa đồng bằng và miền núi, giữa một số dân tộc vẫn còn đặt ra; suy thoái tài nguyên, môi trường còn là vấn đề nan giải; quan hệ giữa dân tộc đa số và dân tộc thiểu số, quan hệ dân tộc xuyên quốc gia có thể có biến thái mới; việc giữ gìn nhiều giá trị văn hóa tộc người tiếp tục phải quan tâm sâu sắc; vấn đề dân chủ trong đời sống xã hội ở các dân tộc thiểu số cần được nhìn nhận và xử lý thấu đáo hơn...

2.2. Những yêu cầu mới đối với Viện Dân tộc học

Trước bối cảnh quốc tế và trong nước về vấn đề dân tộc - vấn đề then chốt liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Viện Dân tộc học, đã đặt ra những yêu cầu mới đối với Viện như sau:

Thứ nhất, cần tổng kết, đánh giá vấn đề dân tộc trên thế giới, đặc biệt là ở các nước trong khu vực, các nước có chung đường biên giới với Việt Nam kể từ sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã đến nay, đồng thời dự báo tình hình sẽ diễn ra từ năm 2013 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, cần chỉ ra mối liên hệ và tác động của vấn đề dân tộc trên thế giới sẽ ảnh hưởng tới vấn đề dân tộc ở nước ta, nhất là với những dân tộc có quan hệ đồng tộc xuyên quốc gia.

Thứ hai, cần tổng kết, đánh giá và dự báo vấn đề dân tộc ở Việt Nam từ năm 2013 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Việc tổng kết, đánh giá và dự báo phải làm rõ những xu hướng của quá trình tộc người ở Việt Nam trong bối cảnh mới, trong đó, cần chú trọng sự phát triển và biến đổi của các tộc người; mối quan hệ của tộc người với Nhà nước, của dân tộc thiểu số với dân tộc đa số, của mối quan hệ dân tộc xuyên quốc gia. Qua đó, cần góp phần xác định sự phát triển của quốc gia - dân tộc Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Thứ ba, cần xây dựng đội ngũ cán bộ của Viện Dân tộc học có đủ năng lực, trình độ để thực hiện nhiệm vụ mới. Đội ngũ này phải có trình độ chuyên môn cao để nghiên cứu sâu về từng tộc người và những vấn đề cấp bách liên quan đến tộc người ở nước ta - nhất là góp phần đánh giá chính sách, thực hiện chính sách dân tộc; đồng thời đưa Dân tộc học/Nhân học Việt Nam hội nhập sâu sắc hơn với Dân tộc học/Nhân học quốc tế.

2.3. Mục tiêu chiến lược

Chiến lược phát triển của Viện Dân tộc học từ năm 2013 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tập trung vào các mục tiêu cơ bản sau đây:

Một là, tiếp tục phát triển để Viện Dân tộc học giữ vững là cơ quan quốc gia hàng đầu về nghiên cứu, tư vấn chính sách về Dân tộc học/Nhân học; trên cơ sở nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, có đóng góp quan trọng trong cung cấp căn cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc; có mối liên kết và có uy tín với các

tổ chức nghiên cứu và đào tạo về Dân tộc học/Nhân học quốc tế; có vị thế quan trọng trong công tác dân tộc của đất nước giai đoạn từ năm 2013 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Hai là, xây dựng và phát triển đội ngũ khoa học của Viện Dân tộc học cả về số lượng và chất lượng, xây dựng đội ngũ chuyên gia có trình độ cao, các nhà khoa học kế cận có triển vọng, có khả năng giải quyết các nhiệm vụ khoa học quan trọng, tham gia có hiệu quả vào hợp tác và hội nhập quốc tế.

Ba là, công bố nhiều công trình nghiên cứu trọng điểm có giá trị cao để khẳng định vai trò, uy tín và ảnh hưởng của Viện Dân tộc học với ngành Dân tộc học/Nhân học của nước nhà; được sử dụng làm cơ sở khoa học cho hoạt động lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc; có uy tín với nền Dân tộc học/Nhân học quốc tế.

Bốn là, tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức nghiên cứu, đào tạo ở trong nước và quốc tế, đặc biệt là với cộng đồng Dân tộc học/Nhân học.

2.4. Một số khâu đột phá để thực hiện mục tiêu chiến lược

Thứ nhất, trên cơ sở lấy tộc người làm trọng tâm, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu theo tộc người và theo vấn đề; tăng cường khả năng nghiên cứu ứng dụng để có đóng góp nhiều hơn nữa vào sự nghiệp phát triển bền vững của các tộc người ở nước ta. Điểm then chốt của nghiên cứu theo tộc người là xem xét quá trình tộc người hiện nay ở nước ta, trong đó cần chú trọng sự phát triển và mối quan hệ tộc người dưới tác động của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước.

Nghiên cứu theo vấn đề cần hướng tới những yếu tố cấp thiết đặt ra với các dân tộc ở Việt Nam, như về xóa đói giảm nghèo, y tế, giáo dục, môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa tộc người...

Thứ hai, xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ năng lực để đáp ứng các nhiệm vụ. Trước mắt, cần tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ có khả năng làm chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu cấp Cơ sở và cấp Bộ, tiến tới làm chủ nhiệm đề tài cấp Nhà nước. Phát huy sự đóng góp trong nghiên cứu, đào tạo của các cán bộ có kinh nghiệm, kể cả cán bộ ở trong và ngoài Viện Dân tộc học. Nâng cao trình độ tiếng dân tộc và trình độ ngoại ngữ của cán bộ trong Viện.

Thứ ba, đổi mới cách quản lý khoa học, lấy chất lượng, hiệu quả làm trọng tâm. Phát huy tính dân chủ, tự chủ trong hoạt động nghiên cứu khoa học; gắn chặt nghiên cứu với đào tạo; kết hợp tốt về nghiên cứu giữa các phòng nghiên cứu theo tộc người và các phòng/trung tâm nghiên cứu theo vấn đề, giữa các phòng/trung tâm nghiên cứu với các phòng chức năng, nghiệp vụ.

Thứ tư, tăng cường và mở rộng hợp tác khoa học với các tổ chức, các địa phương ở trong nước và với quốc tế để nâng cao sự đóng góp và vị thế của Viện; chọn lọc và tiếp thu những thành tựu của các ngành khoa học kế cận, của Dân tộc học/Nhân học thế giới.

2.5. Các nhiệm vụ nghiên cứu

Trong giai đoạn từ năm 2013 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Viện Dân tộc học cần tập trung nghiên cứu, luận giải các nội dung cơ bản sau đây:

1. Nghiên cứu các quan điểm, chính sách dân tộc và tình hình thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trong thực tiễn hiện nay; đánh giá chính sách dân tộc của các nước láng giềng tác động đến tộc người ở Việt Nam, trên cơ sở đó, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định, điều chỉnh và thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc ở Việt Nam, góp phần phục vụ công tác quản lý nhà nước trong sự nghiệp phát triển các dân tộc và bảo vệ đất nước; đồng thời góp phần xây dựng hệ thống lý luận chống lại những luận điệu sai trái, xuyên tạc tình hình dân tộc và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta; chống lại việc lợi dụng vấn đề dân tộc để thực hiện chiến lược diễn biến hòa bình.

2. Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng về quá trình tộc người (phát triển nội tại và biến đổi của tộc người); quan hệ dân tộc (quan hệ nội tộc người, quan hệ giữa các tộc người, trong đó đặc biệt chú trọng quan hệ của dân tộc đa số với dân tộc thiểu số; quan hệ của tộc người với quốc gia - dân tộc và quan hệ tộc người xuyên quốc gia); văn hóa tộc người và văn hóa quốc gia; bản sắc văn hóa tộc người dưới tác động của chính sách dân tộc, của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và toàn cầu hóa. Ưu tiên nghiên cứu các tộc người ở vùng địa bàn chiến lược, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng ven biển và hải đảo; các tộc người có mối quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng của đất nước.

3. Dưới góc độ Nhân học Kinh tế, nghiên cứu về những hoạt động kinh tế của các tộc người hay nhóm xã hội trong mối liên quan với chiều cạnh văn hóa. Theo đó,

Nhân học Kinh tế sẽ tập trung xem xét vấn đề xóa đói giảm nghèo ở các dân tộc, với sự chú trọng về tác động của văn hóa tộc người đến biến đổi cơ cấu kinh tế, tổ chức sản xuất, lao động và di dân, phân phối thu nhập, trao đổi sản phẩm... Nghiên cứu cũng cần xem xét sự giao lưu, hội nhập, phát triển kinh tế ở các tộc người tác động như thế nào đến biến đổi xã hội và văn hóa của họ.

4. Dưới góc độ Nhân học Môi trường, nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến biến đổi môi trường, biến đổi khí hậu, kinh nghiệm quản lý nguồn lực tự nhiên của các tộc người ở Việt Nam; với hướng tiếp cận chủ yếu là dưới góc độ văn hóa và tập trung ở cấp cộng đồng. Nghiên cứu việc thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam liên quan đến bảo vệ môi trường, hỗ trợ năng lực cộng đồng trong thích ứng với biến đổi môi trường, biến đổi khí hậu.

5. Dưới góc độ Nhân học Y tế và Dân số, nghiên cứu về chính sách của Đảng và Nhà nước ta, về quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và toàn cầu hóa tác động đến sức khỏe, dân số và chất lượng dân số của các tộc người ở nước ta; các đặc điểm văn hóa, giáo dục, tri thức địa phương, phong tục, tập quán trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của các tộc người. Nghiên cứu những động thái dân số ở các tộc người, nhất là quá trình di dân nông thôn - đô thị và di dân xuyên quốc gia.

6. Dưới góc độ Nhân học Giáo dục, xem xét các yếu tố văn hóa tộc người ảnh hưởng như thế nào đến giáo dục và đào tạo ở các dân tộc. Theo đó, cần chú trọng nghiên cứu mối quan hệ của những đặc điểm hoạt

động kinh tế, quan niệm về giới, vai trò của ngôn ngữ, tập quán sinh hoạt, quan niệm của các nhóm xã hội về giáo dục... với việc học tập của học sinh, đào tạo nguồn nhân lực ở vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, vùng biên giới và hải đảo, hoặc của những nhóm xã hội đặc thù. Bên cạnh đó, cần xem xét tác động của giáo dục ở các vùng hay nhóm xã hội này đối với phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

7. Dưới góc độ Nhân học Tôn giáo, nghiên cứu tôn giáo, tín ngưỡng của các tộc người và nhóm xã hội, trong đó tập trung vào những vấn đề: chính sách tôn giáo tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước ta và quá trình áp dụng vào thực tiễn ở các cộng đồng, các tộc người và các nhóm xã hội; sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở một số tộc người, nhóm xã hội, nhóm nghề nghiệp tại thành thị, nông thôn trong nước và xuyên quốc gia; vai trò của tôn giáo tín ngưỡng đối với đời sống các tộc người và nhóm xã hội trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa; mối quan hệ của vấn đề dân tộc với vấn đề tôn giáo.

8. Dưới góc độ Nhân học Chính trị, xem xét mối quan hệ của thiết chế xã hội truyền thống đến hệ thống chính trị cơ sở, đến việc tiếp nhận các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ở các tộc người. Nghiên cứu vấn đề nhân quyền trong đời sống các tộc người ở nước ta.

9. Dưới góc độ Nhân học Ứng dụng, nghiên cứu mô hình phát triển ở các tộc người và nhóm xã hội, bao gồm những vấn đề về kinh tế, xã hội (sinh kế, phân tầng xã hội, đói nghèo, y tế, giáo dục, tệ nạn xã hội...); di dân tái định cư; giới và phát triển;

tri thức địa phương trong sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên; các vấn đề kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường liên biên giới và xuyên quốc gia... Trên cơ sở đó, cung cấp các luận cứ khoa học và đề xuất quan điểm, giải pháp cho phát triển bền vững các cộng đồng tộc người ở nước ta trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

3. Giải pháp và kiến nghị

Để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ phát triển trong giai đoạn 2013 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Viện Dân tộc học đề xuất những giải pháp và kiến nghị như sau:

3.1. Giải pháp

1. Xây dựng và phát triển hệ thống tổ chức

Một là, hoàn thiện việc chuyên môn hóa trong các phòng/trung tâm nghiên cứu và phục vụ nghiên cứu, gắn chặt với vị trí việc làm. Ưu tiên nguồn nhân lực cho các phòng nghiên cứu theo tộc người, có số lượng ít nhất là 5 cán bộ/phòng. Hoàn thiện quy chế phối hợp giữa các phòng nghiên cứu theo tộc người và phòng/trung tâm nghiên cứu theo vấn đề; giữa các phòng/trung tâm nghiên cứu với các phòng chức năng, nghiệp vụ.

Hai là, trong điều kiện được đảm bảo về định biên là 60 cán bộ, xây dựng thêm các phòng nghiên cứu về Nhân học Chính trị, Nhân học Kinh tế và Nhân học Giáo dục; hoặc lồng ghép các lĩnh vực nghiên cứu này với các phòng/trung tâm nghiên cứu hiện nay. Nếu lồng ghép, trên cơ sở lấy các phòng nghiên cứu hiện có làm nòng cốt, sẽ xây dựng hướng nghiên cứu về Nhân học Chính trị trong Phòng Nghiên cứu lý luận và

chính sách dân tộc; Nhân học Kinh tế trong Phòng Nhân học Môi trường; và Nhân học Giáo dục trong Phòng Nhân học Y tế và Dân số. Ngoài ra, cần tiếp tục chú trọng Nhân học Hình ảnh, với việc phát triển hướng nghiên cứu này ở Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế.

2. Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực

Thứ nhất, việc quy hoạch đội ngũ cán bộ khoa học của Viện Dân tộc học cần hợp lý, đồng bộ, có sự tiếp nối giữa các thế hệ cán bộ khoa học. Đội ngũ này cần có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ nghiên cứu cao để đáp ứng chức năng, nhiệm vụ của Viện.

Thứ hai, chú ý xây dựng đội ngũ chuyên gia, cả chuyên gia theo tộc người và theo vấn đề, có năng lực nghiên cứu và xử lý ở tầm vĩ mô về vấn đề dân tộc. Chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ có khả năng nghiên cứu liên ngành và đào tạo cán bộ trẻ.

Thứ ba, xây dựng đội ngũ cộng tác viên khoa học ở ngoài Viện Dân tộc học; thu hút nhiều hơn nữa sự đóng góp của các nhà khoa học, cả trong và ngoài nước. Việc thu hút được tiến hành qua thực hiện đề tài nghiên cứu, tổ chức hội thảo, đào tạo cán bộ trẻ.

Thứ tư, tạo điều kiện tốt hơn nữa về vật chất cho cán bộ làm việc, trong đó chú trọng đảm bảo về trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, kết nối thông tin; nâng cao khả năng tiếp cận với các nguồn tư liệu, sách báo ở ngoài Viện Dân tộc học.

Thứ năm, chú trọng nâng cao đời sống cho cán bộ của Viện, trên cơ sở nâng cao năng lực nghiên cứu, khả năng xây dựng và

thực hiện các đề tài, dự án; đảm bảo công bằng, dân chủ trong tiếp cận nguồn lực và thực hành tiết kiệm.

3. Đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế

Một là, hợp tác với các tổ chức nghiên cứu, đào tạo ở trong nước và quốc tế để cập nhật và nâng cao những vấn đề lý thuyết, lý luận, chia sẻ thông tin về Dân tộc học/Nhân học. Chú trọng các hợp tác xây dựng đề tài, dự án nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng; đề tài, dự án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

Hai là, hợp tác với các địa phương, nhất là ở vùng miền núi và dân tộc, vùng biên giới, hải đảo để nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng về các tộc người, các nhóm xã hội tại địa phương ấy. Trên cơ sở đó, Viện vừa có đóng góp thiết thực cho sự phát triển của địa phương, vừa nâng cao năng lực và vị trí của Viện.

3.2. Kiến nghị

1. Tăng thêm biên chế cho Viện Dân tộc học, với số lượng định biên là 60 cán bộ.

2. Cho phép Viện Dân tộc học xây dựng thêm các phòng: Nhân học Chính trị, Nhân học Kinh tế và Nhân học Giáo dục.

3. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chú trọng giao các nhiệm vụ cho Viện Dân tộc học nghiên cứu những vấn đề cấp bách liên quan đến các dân tộc ở nước ta; nghiên cứu vấn đề dân tộc ở các nước láng giềng có ảnh hưởng đến vấn đề dân tộc ở Việt Nam.

4. Khi xét duyệt tài chính của đề tài, dự án nghiên cứu cấp Bộ và cấp Cơ sở, đề nghị tăng thêm nguồn kinh phí cho chi phí điền

dã Dân tộc học (tiền đi lại, tiền lưu trú và phụ phí khác), tránh tình trạng Viện Dân tộc học có tổng số kinh phí khoa học bằng các viện không cần đi điền dã.

5. Cấp kinh phí cho việc cải tạo hệ thống kho của Thư viện theo hướng khoa học, hiện đại, để vừa tăng diện tích sử dụng, vừa đáp ứng tốt hơn nhu cầu của bạn đọc; kinh phí cho việc xuất bản bằng tiếng nước ngoài những công trình khoa học của Viện; kinh phí cho hợp tác thông tin tư liệu với những tổ chức nghiên cứu, đào tạo của quốc tế.

6. Xét duyệt việc cấp chế độ bảo hiểm đi công tác ở những vùng đặc biệt khó khăn cho cán bộ Viện Dân tộc học.

Tài liệu tham khảo

1. Khổng Diễn (2003a), “35 năm Viện Dân tộc học”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 6, tr. 5-10.

2. Khổng Diễn (2003b), “Viện Dân tộc học”, trong: *Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia 50 năm xây dựng và phát triển*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003, tr. 140-168.

3. Bế Viết Đăng (1978), “Mười năm nghiên cứu dân tộc học”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 3-14.

4. Bế Viết Đăng (1983), “15 năm nghiên cứu dân tộc học và những nhiệm vụ hiện nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 6-11.

5. Phạm Quang Hoan (2009), “Viện Dân tộc học - Thành tựu 40 năm xây dựng và phát triển”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2, tr. 6-9.

6. Nguyễn Xuân Thắng (2009), “Dân tộc học/Nhân học Việt Nam với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2, tr. 3-5.



Đoàn cán bộ của Học viện Biên phòng đến thăm và làm việc tại Viện Dân tộc học

Ảnh: Hà Thu